



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, TP.HCM, Việt Nam

ĐT: (028) 3754.1889 – 3754.1812

Fax: (028) 3754.1808 – 3754.1891

Email: aptco@apt.com.vn

Web: www.apt.com.vn

Số: 53 /CV – THS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

V/v Công bố thông tin trên cổng
thông tin điện tử của Sở Giao
dịch CK Hà Nội Báo cáo thường
niên năm 2025

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.**

Mã Chứng khoán: **APT.**

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo,
TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Người thực hiện Công bố thông tin: **BÀ ĐỖ NGỌC NGÀ**

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Di động: 0907396004

Loại Thông tin công bố: Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính thường niên năm 2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT/BKS Công ty (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK-Công ty.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ NGỌC NGÀ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).

Năm báo cáo: 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: **Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo, TP.Hồ Chí Minh.**
- Điện thoại: **(84.28) 37541889** - Fax: **(84.28) 37541808.**
- Website: **<https://www.apt.com.vn>** - Email: **aptco@apt.com.vn**
- Fanpage: **facebook.com/aptfoods, Youtube: youtube.com/aptfoods.**
- Vốn điều lệ: **88.000.000.000 đồng (tám mươi tám tỷ đồng).**
- GCNĐKKD số **4103005759** do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày **20/12/2006**; đăng ký thay đổi lần **13** ngày **08/08/2025** (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số **0300523755**)
- Mã cổ phiếu: **APT**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty kinh doanh thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty kinh doanh thủy hải sản thành Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (APT). APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã

không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 769, HK 156, DL 878.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, BRCGs... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay, sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 (mười ba) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ mười ba ngày 08/08/2025.

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.
- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.
- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.
- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005, 2006, 2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010, 2011, 2013, 2014, 2017, 2018, 2020, 2021, 2022: Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.

+ Năm 2017, 2018, 2019, 2020: Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập.

+ Năm 2017, 2019, 2021: Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu TP.Hồ Chí Minh.

+ Năm 2017: Doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương cuộc vận động: Người Việt Nam ưu tiên tiêu dùng hàng Việt Nam.

+ Năm 2016, 2017, 2018, 2023-2025 “**đạt chứng nhận VietGap**”, chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn “**chuỗi sản phẩm an toàn**” có giá trị đến năm 2025.

+ Doanh nghiệp phát triển bền vững 42 năm do Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố trao tặng.

+ Sản phẩm công nghiệp & công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố năm 2020.

+ Năm 2022: Bằng khen Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong tham gia thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn TPHCM 2002-2022

+ Năm 2024: Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp Hỗ trợ Tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh

3. Các sự kiện khác:

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn nhiệm kỳ I do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành | Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài); |

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác.

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VDL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VDL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VDL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Tháng 8/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công Ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do bị Hội đồng Quản trị tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

- | | | |
|--------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn: | | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Trương Tiến Dũng: | | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | : | Thành viên HĐQT |

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

- | | | |
|-----------------------|---|-----------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |

3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4. Ông Phùng Công Trí Dũng: Thành viên HĐQT

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) như sau:

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

1. Ông Diệp Phú Vinh: Trưởng Ban Kiểm soát.
2. Bà Đỗ Ngọc Nga: Thành viên.
3. Bà Lê Thị Thùy Trang: Thành viên.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018, Ông Diệp Phú Vinh Trưởng ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm

2018 đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm thành viên Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã bầu Ông Hoàng Văn Vỹ làm thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã bầu Ông Trương Tiến Dũng làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 07/6/2019 Cổ phiếu APT được chính thức giao dịch trên Sàn Upcom (QĐ 322/QĐ-SGCHN ngày 30/5/2019) và thông báo số 583/TB-SGDHN ngày 30/5/2019 về ngày giao dịch đầu tiên). Tuy nhiên ngay từ ngày giao dịch đầu tiên Cổ phiếu APT đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chỉ được giao dịch vào phiên thứ 6 hàng tuần theo thông báo số 613/TB-SGDHN-QLNY ngày 06/06/2019.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Ông Bùi Tấn Định Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã bầu Bà Nguyễn Thị Hồng làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Vào ngày 30/7/2021 căn cứ qui định tại nghị định 71/2017/NĐ-CP Ông Trương Tiến Dũng đã có đơn xin thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và tiếp tục là thành viên HĐQT Công ty. Hội đồng Quản trị đã chấp thuận và bầu Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Ông Hoàng Văn Vỹ thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm và Bà Đỗ Ngọc Nga Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga làm thành viên Hội đồng Quản trị và bầu Ông Vũ Minh Bảo làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Ông Vũ Minh Bảo giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 28/4/2022 đã bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022-2027) với danh sách như sau:

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị. |
| 2. Ông Nguyễn Thành Vinh: | Thành viên Hội đồng Quản trị. |
| 3. Bà Đỗ Ngọc Nga: | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| | - Tổng Giám đốc. |

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Vũ Minh Bảo: | Trưởng Ban Kiểm soát. |
| 2. Ông Trịnh Ngọc Thuận: | Thành viên. |
| 3. Bà Lê Thị Thùy Trang: | Thành viên. |

Sau đại hội, Ông Trịnh Ngọc Thuận đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Công ty đã tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và Cổ đông đã đồng ý miễn nhiệm Ông Trịnh Ngọc Thuận và bầu Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa vào Ban kiểm soát thay Ông Trịnh Ngọc Thuận từ ngày 20/6/2022.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã bầu Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh vào Ban Kiểm soát thay Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa từ ngày 28/04/2023 và Ban Kiểm soát đã bầu Ông Vũ Minh Bảo giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Ngày 12/02/2025, Hội Đồng quản trị nhận được đơn xin từ nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ông Nguyễn Thành Vinh. Hội đồng quản trị đã có quyết định bãi nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT vào ngày 25/03/2025 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Thành Vinh.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 được tổ chức ngày 25/04/2025, Đại hội đã bầu bà Mạc Bùi Nhã Uyên vào Hội Đồng Quản trị thay Ông Nguyễn Thành Vinh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gas NH₃. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bảo quản rau quả. Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, chăn nuôi gia cầm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

○ Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

○ Hội đồng Quản trị.

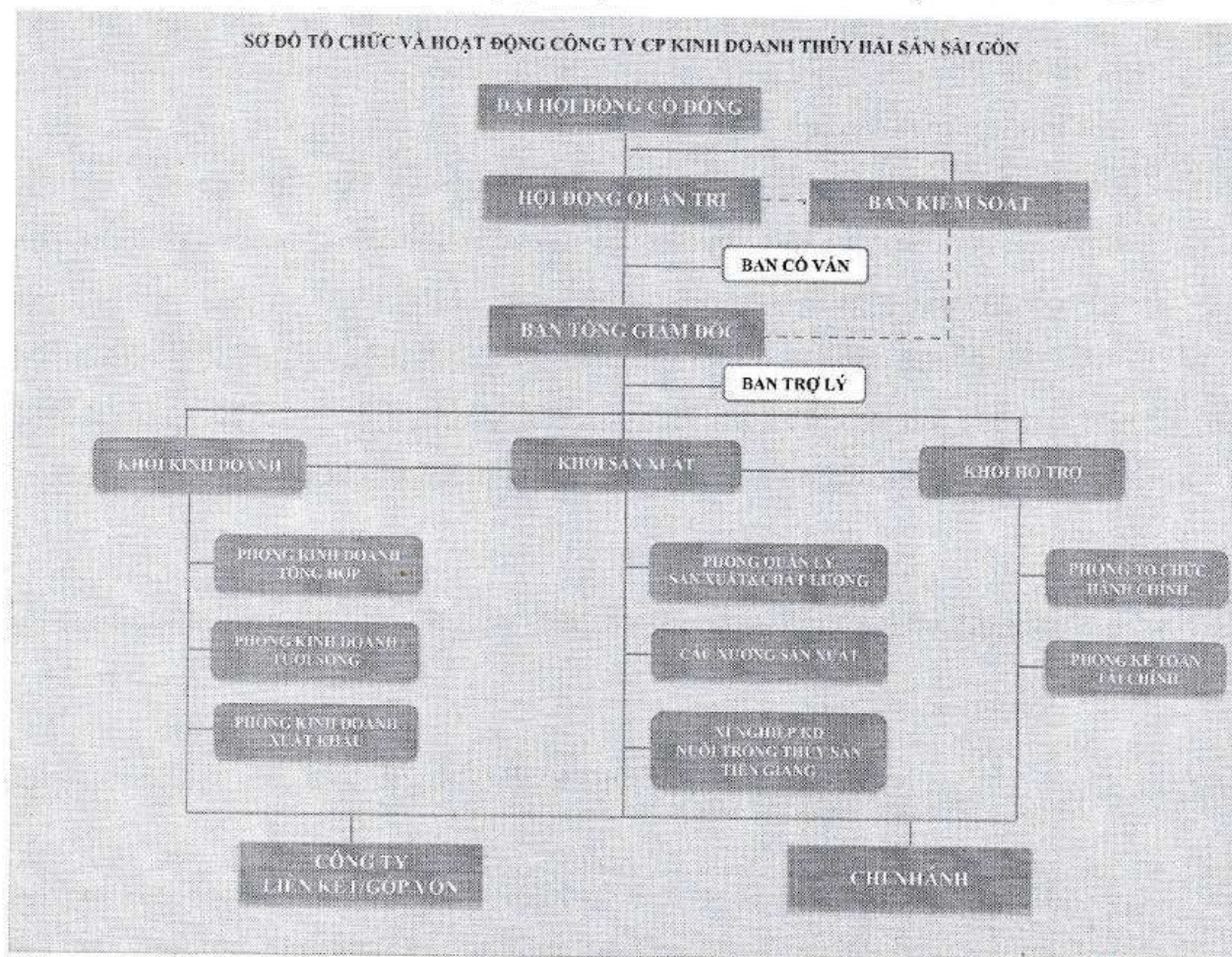
Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

○ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản

lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT.

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các tài sản trên đất ở các mặt bằng; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.

- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

- Mục tiêu đặt ra cho những năm sắp tới là các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phải có tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng từ 10% - 20%. Sớm hoàn tất công tác quyết toán giai đoạn Nhà nước và thoái hết vốn Nhà Nước theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Sau khi tình hình tài chính được lành mạnh hóa, mục tiêu hướng đến là kim ngạch xuất khẩu phải đạt trên 10.000.000USD. Kinh doanh nội địa trở thành nhà cung cấp với đa dạng hóa mặt hàng, doanh thu đạt trên 200 tỷ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

*** Xuất khẩu:**

- Phấn đấu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên trên 50% công suất Nhà máy.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc, Úc và các nước Asean*), nối lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Japan ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới

- Chỉ tiêu kim ngạch: Phấn đấu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm

tăng từ 10 - 15 %/năm.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt các loại cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế đông lạnh, và nước mắm, nông sản.

** Nội địa:*

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, hướng đến những sản phẩm thiết thực đối với bữa ăn của gia đình (*đặc biệt quan tâm đến sản phẩm dành cho các gia đình*). Xây dựng chiến lược thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Với điều kiện thuận lợi về chứng nhận đạt tiêu chuẩn “*chuỗi sản phẩm an toàn*”, “*đạt chứng nhận VietGap*”, chứng nhận “*Hàng Việt Nam chất lượng cao*” “*Hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập*” “*Sản phẩm thương hiệu Việt tiêu biểu của Bộ Công Thương*” tiếp tục là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu APT đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống, nhất là đối với mặt hàng cá điêu hồng.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Central/ Go/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ...bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống. Mục tiêu đặt ra là hàng thủy hải sản tươi sống của APT có mặt tại hầu hết các cửa hàng Satra foods và từng bước có mặt tại các hệ thống siêu thị lớn như Coopmart, Central , Go!...vv

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; thủy hải sản tươi sống; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ:

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2022 đến năm 2027, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...vv.

5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5.2.4. Chiến lược phát triển nuôi trồng:

- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản và mặt hàng cá điêu hồng của Công ty APT đạt chứng nhận “*chuỗi thực phẩm an toàn*” và “*đạt chứng nhận VietGap*” là điều kiện để phát triển mặt hàng cá nuôi.

- Duy trì phương pháp nuôi an toàn, chất lượng, tạo ra nguyên liệu đáp ứng cho công tác xuất khẩu và cung cấp cho thị trường nội địa “*chuỗi thực phẩm an toàn*”; đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng và có thể truy xuất nguồn gốc đối với các mặt hàng cá điêu hồng, cá trê, cá tra ... cho công tác xuất khẩu.

5.2.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.

- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

6.2. Rủi ro về luật pháp:

Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được Nhà Nước cho thuê theo hình thức đất trả tiền thuê đất hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của Nhà Nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán và đã thực hiện việc đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ tháng 6 năm 2019, nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Thẻ vàng IUU, Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên

vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

Rủi ro về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản báo cáo thường niên này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

Rủi ro về khoản nợ với Ngân hàng Sacombank. Ngân hàng Sacombank đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân để yêu cầu APT thanh toán toàn bộ các khoản nợ.

Theo một số quy định mới liên quan đến quy định về vốn chủ sở hữu tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, APT hiện đang gặp vấn đề về vốn chủ sở hữu do một số tồn tại cũ.

6.4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện năm 2025	SO SÁNH
				TH25 /KH25

		1	2	3=2/1
Tổng doanh thu	Triệu đồng	313.773	309.727	98,7
Doanh thu thuần	Triệu đồng	257.437	265.231	103,0
Kim ngạch XK	ngàn USD	7.000	6.736	96,2
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC	Triệu đồng	(242.918)	(1.152.794)	474,6
Lợi nhuận SXKD	Triệu đồng	6.800	13.152	193,4

(chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập (nếu có)).

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

2.1 Thuận lợi.

Quyết tâm của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong với sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, xây dựng mục tiêu sản xuất, kinh doanh rõ ràng đặt trọng tâm vào việc tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

2.2. Khó khăn.

- Thẻ vàng IUU của EU vẫn tiếp tục duy trì. Các rào cản kỹ thuật vào các thị trường xuất khẩu chính của Công ty ngày càng thắt chặt. Sức mua trên thị trường nội địa giảm sút.

- Khó khăn nội tại của Công ty vẫn còn như chưa quyết toán xong giai đoạn doanh nghiệp Nhà Nước chuyển sang Công ty Cổ phần, không vay vốn được ngân hàng do còn khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank.

- SATRA đã tiến hành nộp đơn khởi kiện vụ “Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh”

2.3 Đánh giá chung:

Trong năm qua, mặc dù có những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD, Ban Điều hành Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 giao.

3. Tổ chức nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 02 người bao gồm một Tổng

Giám Đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

- Từ ngày 28/4/2022 đến ngày 31/01/2023 Ông Nguyễn Thành Vinh Thành viên Hội đồng Quản trị-Tổng Giám đốc Công ty.

- Từ ngày 01/02/2023 Bà Đỗ Ngọc Nga Thành viên Hội đồng Quản trị-Tổng Giám đốc Công ty.

- Từ tháng 10/2011 Ông Mai Minh Vương - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn



3.1. Bà Đỗ Ngọc Nga: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 10/05/1986.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*Đại diện vốn Công ty cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam*): 500.000 cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,057 % trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kế toán Doanh Nghiệp, Cử nhân Luật Thương Mại Quốc Tế, Giám đốc Tài chính, Thạc sĩ Luật

***. Quá trình công tác:**

- 2007-7/2008: Kế toán thanh toán kiêm thủ quỹ Công ty Cổ phần AVAFOOD.
- 7/2008-3/2009: Thư ký HĐQT Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam.
- 3/2009-6/2010: Phó phòng đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam.
- 6/2010-6/2011: Phó phòng đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất.
- 6/2011-01/2012: Phó phòng đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam.
- 1/2012-10/2015: Trưởng phòng đầu tư Ngân hàng TM Cổ phần Phương Nam.
- 10/2015- 10/2016: Phó phòng đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 1/2015- 8/2017: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 8/2017- 7/2019: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế Toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 7/2019 -2/2021: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 3/2021-1/2023: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 10/2016-1/2023: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần lương thực Thành phố HCM (Foodcosa).
- 6/2022 đến tháng 04/2023: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần lương thực Thành phố HCM (Foodcosa).
- 4/2012-4/2017: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn
- 4/2017-6/2020:Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- 6/2020-4/2021: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- 4/2021 – nay Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn
- 1/2023-nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam.
- Từ ngày 01/02/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.2. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 02/03/1975.
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/2000-2005: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến.
- Từ tháng 01/2006-7/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng Lợi.
- Từ tháng 08/2006-09/2009: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo, Xí nghiệp Đông lạnh Thắng Lợi.
- Từ tháng 10/2009 -09/2011: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thắng Lợi.
- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.3. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế Toán trưởng

- Sinh ngày: 03/07/1977.
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 3.900 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,04431% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán.
- * Quá trình công tác:
 - Từ tháng 06/2001-10/2005: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới, trực thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản.
 - Từ tháng 11/2005-2006: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới.
 - Từ tháng 01/2007-8/2009: Tổ trưởng kế toán Phòng Kế toán Công ty APT
 - Từ tháng 9/2009-8/2010: Kế toán tổng hợp
 - Từ tháng 9/2010-2015: Phó phòng Kế toán Tài chính
 - Từ tháng 1/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty.
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

3.4 Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025 là 232 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:		
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	168	72.4%

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	52	22.4%
3	Lao động thời vụ + Thử việc	12	5.2%
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	107	46%
2	Lao động nữ	125	54%
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	39	16.8%
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	25	10.7%
3	CNKT và trình độ khác	168	72.5%

Nguồn: P.TCHC APT

3.4.1 Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động

* Chính sách đào tạo:

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty tài trợ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

* Chính sách tiền lương, thưởng:

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng; được trả lương theo hệ số công việc do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ... theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất. Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

** Chính sách trợ cấp:*

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4.1. Các khoản đầu tư lớn:

Nhằm tối ưu nguồn vốn nhân rồi, Công ty đã tiến hành đầu tư chứng khoán với 2 mã TL4 và VRE.

4.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Tình hình tài chính

5.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	175.914.239.911	195.136.806.434	111%
Doanh thu thuần	250.471.154.980	265.231.068.912	106%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(201.367.549.242)	(1.152.564.488.385)	572%
Lợi nhuận khác	(41.953.383)	7.306.369	-17%
Lợi nhuận trước thuế	201.409.502.625)	1.152.557.182.016)	572%

Lợi nhuận sau thuế	201.409.502.625)	(1.152.794.123.823)	572%
--------------------	------------------	---------------------	------

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Ghi chú
	2024	2025	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	0,07	0,05	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,05	0,03	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	9,33	14,42	
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	(1,12)	(1,07)	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	5,90	4,98	
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.	1,42	1,36	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,80)	(4,35)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,44	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(1,14)	(5,91)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,80)	(4,35)	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông.

6.2. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/03/2026

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30,00	Không có		2.640.198	30,00
Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam (cổ đông lớn)	3.616.102	41,09			3.616.102	41,09
Cổ đông nội bộ (02 người)	7.700	0,088			7.700	0,88
Cổ đông khác (428 người)	2.536.000	28.82			2.536.000	28.03
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

6.5. Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 6,876.5 tấn.

7.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ điện trực tiếp và gián tiếp: 8.219.000 KWh

7.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

38.999 m3.

7.3.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước cấp KCN Tân Tạo: 33.267 m³

- Nước giếng: 5.732 m³

7.3.2. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0

7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

7.4.1. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

7.4.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

1. Công tác điều hành chung.

Mặc dù có những khó khăn thách thức nhưng Ban Điều hành Công ty đã tận dụng những ưu điểm, những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện công tác điều hành Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm.

- Ban Điều hành Công ty luôn tìm giải pháp để tháo gỡ, định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT; tăng cường hợp tác với những khách hàng tiềm năng, đồng thời mở rộng thêm một số thị trường trong nước và xuất khẩu; Từng bước xây dựng và ngày càng phát triển về hình ảnh thương hiệu; thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tích lũy để đầu tư xây dựng mới một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Cơ bản thực hiện công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII

ngày 26/5/2020 và công văn số 145/KV VIII-TH ngày 30/06/2022 của Kiểm toán Nhà nước KV VIII về việc trả lời kiến nghị của Công ty APT, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là **28.258.592.313** đồng. Ban Điều hành đã cùng Satra tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị, đề nghị UBND Thành phố và Kiểm toán Nhà nước xem xét, sớm giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả.

- Chấp hành đúng qui định về công bố thông tin đối với Công ty Đại chúng. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, ... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, Cổ phiếu đăng ký giao dịch tập trung (Upcom) tạo điều kiện cổ đông nắm được thông tin cổ phiếu,...; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định.

- Quan tâm đến đời sống, tinh thần, tạo môi trường làm việc tốt cho Người lao động. Hàng năm thực hiện điều chỉnh tăng chỉnh lương từ 5-10% cho Người lao động toàn Công ty, đảm bảo tiền lương năm sau cao hơn năm trước; Luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty; Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động.

1.1 Công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.1. Kết quả hoạt động của Khối Kinh doanh.

a. Kết quả hoạt động của Phòng Kinh doanh Xuất khẩu.

Công ty APT vẫn là Doanh nghiệp có kinh nghiệm và có một vị thế nhất định đối với ngành hàng thủy hải sản đông lạnh. APT có thế mạnh về mặt hàng cá nước ngọt với quy trình khép kín từ nuôi – chế biến – đảm bảo chất lượng xuất khẩu, nắm bắt kịp thời tình hình nguyên liệu, tìm kiếm nguồn hàng phù hợp, bảo đảm sản lượng cũng như chất lượng hàng hóa, giá cạnh tranh,... Nên nhiều năm qua APT duy trì được các khách hàng truyền thống tại thị trường EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc,...

Trong năm 2025, doanh thu bán hàng ước thực hiện của mảng kinh doanh xuất khẩu đạt 171.070 triệu đồng, đạt 99,8% kế hoạch. Kim ngạch xuất khẩu đạt 6.736 ngàn USD, đạt 96,2% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận thuần hoạt động xuất khẩu là 5.179 triệu đồng, đạt 126,2% kế hoạch.

- Thương hiệu, sản phẩm cũng như chất lượng hàng hóa của Công ty tại một số thị trường nước ngoài ngày càng được ưa chuộng, đặc biệt là thị trường Hàn Quốc.

Hoạt động xuất khẩu có những kết quả nhất định, là nỗ lực lớn của Ban Điều hành, Công ty phải vượt qua không ít khó khăn để đạt được kết quả trên do nguồn nguyên liệu cá biển ngày càng khan hiếm, một số mặt hàng cá nuôi, nông sản thì không đạt tiêu chuẩn, giá nguyên liệu tăng, các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường kiểm tra về chất lượng sản phẩm,... khách hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao và rào cản kỹ thuật quá chặt chẽ nên tình hình xuất khẩu ngày càng nhiều áp lực.

b. Kết quả hoạt động của kinh doanh nội địa

Trong định hướng phát triển thị trường nội địa với mục tiêu cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng, Công ty APT đã tập trung chuyển dịch cơ cấu doanh thu, đẩy mạnh các mặt hàng thủy hải sản khô và tươi sống, cung ứng đa dạng sản phẩm chất lượng ra thị trường.

Hiện nay, APT là một trong những đơn vị cung ứng thực phẩm uy tín cho các siêu thị lớn trên toàn quốc như Co.opmart, Go!, Satra Foods, ... và các hệ thống Bếp ăn. Đặc biệt, nhóm hàng thủy hải sản tươi sống ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, với hơn 100 mặt hàng được cung cấp vào các hệ thống phân phối.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tham gia hiệu quả chương trình bình ổn giá của Thành phố, được Sở Công Thương đánh giá cao; đồng thời đẩy mạnh hoạt động truyền thông, xây dựng thương hiệu và đạt được nhiều danh hiệu uy tín như Hàng Việt Nam chất lượng cao, sản phẩm dịch vụ tiêu biểu và các sản phẩm chủ lực của Thành phố, tạo nền tảng thuận lợi cho việc mở rộng thị trường nội địa.

Kết quả thực hiện năm 2025: mảng Kinh doanh nội địa đạt doanh thu 33.885 triệu đồng, tương đương 91,5% kế hoạch. Lợi nhuận đạt 1.321 triệu đồng, tương đương 102% kế hoạch.

1.1.2. Kết quả hoạt động của Khối sản xuất.

a. Về hoạt động sản xuất.

- Doanh thu thuần: 39.807 triệu đồng, đạt 98,8% kế hoạch
- Lợi nhuận: 6.071 triệu đồng, đạt 112,4% kế hoạch

Khối sản xuất bao gồm các hoạt động: Sản xuất, Nuôi trồng, Khai thác kho và Quản lý chất lượng.

Tình hình hoạt động sản xuất nhiều năm qua rất khó khăn do nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá nguyên liệu tăng cao nên sản lượng về Xưởng sản xuất rất ít, có thời

diêm thiếu nguyên liệu sản xuất; Một số khách hàng gia công lớn của Công ty cũng không mua được nguyên liệu để đưa vào sản xuất; Công ty đã tăng cường công tác quản lý, đa dạng hóa mặt hàng nội bộ để ổn định hoạt động sản xuất, đảm bảo công việc làm ổn định cho Người lao động, đảm bảo chi phí tiền lương, chi phí khấu hao và các chi phí quản lý khác có liên quan.

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của các xưởng sản xuất ngày càng xuống cấp cần phải đầu tư sửa chữa và thay mới để phù hợp với các tiêu chuẩn của cơ sở sản xuất đạt chuẩn EU làm chi phí sản xuất tăng.

b. Về hoạt động nuôi trồng.

Hiệu quả hoạt động Nuôi trồng năm 2025 đạt 281 triệu đồng, đạt 137,7% so với kế hoạch do những nguyên nhân sau:

Năm 2025, Xí nghiệp tập trung vận hành tại Tân Phong, góp phần ổn định công tác quản lý và tiết giảm chi phí.

Tuy nhiên, hoạt động nuôi còn gặp một số khó khăn như: nguồn phụ phẩm cho cá trê không ổn định; tăng chi phí sửa chữa, gia cố bè để đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

Trước các yếu tố bất lợi, Xí nghiệp đã chủ động điều tiết kế hoạch thả nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết và mùa vụ. Kết quả, mặc dù sản lượng chưa đạt kế hoạch, nhưng hiệu quả sản xuất vẫn vượt 37,7% so với chỉ tiêu được giao.

c. Về hoạt động kinh doanh khai thác hợp tác kinh doanh, Kho.

Năm 2025, doanh thu thuần khai thác kho là 4.617 triệu đồng (tăng 7,7% so với kế hoạch), lợi nhuận đạt 1.664 triệu đồng (tăng 30,0%).

Nguyên nhân chủ yếu do hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn, hàng hóa lưu kho kéo dài, giúp các kho được khai thác tối đa công suất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư thêm 3 container bảo quản, tăng năng lực khai thác; đồng thời tổ chức sắp xếp kho bãi hợp lý, duy trì kiểm soát tốt nhiệt độ kho lạnh và tăng cường bảo trì, hạn chế chi phí sửa chữa.

1.1.3. Kết quả hoạt động của Khối Hỗ trợ.

a. Hoạt động Hợp tác Kinh doanh và Khai thác mặt bằng.

Năm 2025, hoạt động khai thác mặt bằng gặp nhiều khó khăn do xu hướng chuyển dịch sang kinh doanh online và các quy định thuế mới từ 01/7/2025, khiến một số khách hàng ngừng hợp tác. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động tìm kiếm khách hàng thay thế để bù đắp chi phí.

Kết quả, doanh thu đạt 20.469 triệu đồng (102,5% kế hoạch), lợi nhuận đạt 13.803 triệu đồng (168,7% kế hoạch).

Lợi nhuận tăng chủ yếu do được giảm tiền thuê đất theo quy định, điều chỉnh lại đơn giá thuê tại một số mặt bằng và khai thác hiệu quả các vị trí hiện có. Đồng thời, khai thác tối đa công suất các mặt bằng, kho bãi, góp phần tăng nguồn thu.

b. Công tác tổ chức

Ban Điều hành sử dụng tối đa nguồn nhân lực, kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp với từng vị trí, năng lực công tác, nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; nâng cao năng suất lao động; Quan tâm công tác đào tạo cán bộ quản lý nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp khi cần thiết.

Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung kịp thời phù hợp với pháp luật hiện hành; Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm theo quy định mới, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật; hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, mẫu biểu báo cáo... nâng cao hiệu quả quản lý.

Công tác PCCC và Phòng chống bão lũ luôn được quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện. Thông qua các Đoàn thể, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức NLĐ về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

1.1.4. Về công tác quản lý chất lượng:

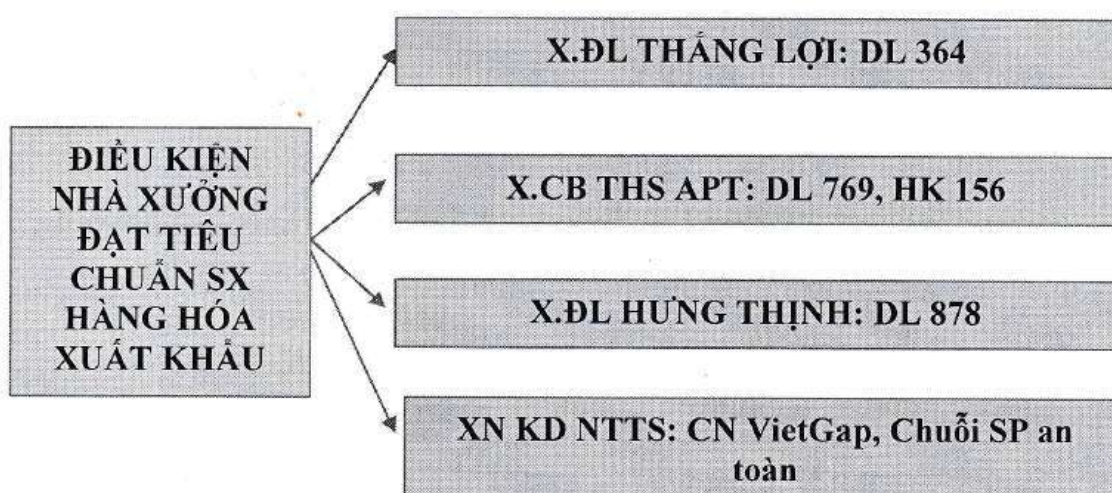
Với phương châm phát triển bền vững, luôn xem chất lượng hàng hóa là uy tín, mang tính cạnh tranh, nên chất lượng hàng hóa luôn được Công ty quan tâm duy trì. Qua các đợt kiểm tra trong năm của các cơ quan chức năng, các Xưởng sản xuất của Công ty đều đảm bảo điều kiện về an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản theo tiêu chuẩn ngành thủy sản và tiêu chuẩn quốc tế.

cụ,... luôn được quan tâm đầu tư sửa chữa thường xuyên, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu và các thị trường khác. Với cơ sở vật chất cơ bản hoàn chỉnh, điều kiện sản xuất đảm bảo theo tiêu chuẩn HACCP, HALAL, BRCGs, và đạt code xuất khẩu EU (03 code xuất khẩu thủy hải sản hàng đông lạnh, chế biến DL 364, 769, 878; 01 code xuất khẩu thủy sản khô HK 156).

Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nhằm giữ ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty cung cấp ra thị trường nội địa và xuất khẩu.

Phát triển nhiều sản phẩm mới chất lượng phục vụ cho xuất khẩu và nội địa như chả cá thác lát, chả cá viên, tôm viên, mực viên,...

Các Code Xuất khẩu hiện có của Công ty.



1.1.5 Tình hình thực hiện sửa chữa duy tu, mua sắm thiết bị

Công ty đã thực hiện đúng chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt.

Cụ thể:

- Kế hoạch được duyệt: 7.974 triệu đồng.
- Thực hiện: 7.457 triệu đồng (đạt 93,5% kế hoạch).

Công tác đầu tư, sửa chữa định kỳ, cũng như các công trình xây dựng mới khi đưa vào khai thác đảm bảo tiêu chuẩn về các điều kiện xuất khẩu, đem lại những kết quả nhất định: Đạt tiêu chuẩn HACCP, BRCGs, HALAL,... Duy trì được các code xuất khẩu DL 364, DL 769, DL 878, HK156. Điều kiện nuôi theo tiêu chuẩn Vietgap, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

1.1.6. Công tác tổ chức.

Ban Điều hành sử dụng tối đa nguồn nhân lực, kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp với từng vị trí, năng lực công tác, nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; Định biên nhân sự của từng Phòng, Đơn vị đảm bảo năng suất lao động cao; Quan tâm công tác đào tạo cán bộ quản lý nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp khi cần thiết.

Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung kịp thời phù hợp với pháp luật hiện hành; Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm theo quy định mới, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác PCCC và Phòng chống bão lũ luôn được quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện. Thông qua các Đoàn thể, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức NLĐ về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Sau Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc xây dựng lại mô hình tổ chức theo 3 Khối (Khối Hỗ trợ, Khối Kinh doanh và Khối sản xuất), xây dựng hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, mẫu biểu báo cáo... nâng cao hiệu quả quản lý.

Các khối cũng xây dựng mô hình và quy chế hoạt động riêng, tinh gọn bộ máy để kinh doanh hiệu quả.

1.1.7. Công tác phối hợp Đoàn thể - Chăm lo đời sống.

Công tác phối hợp giữa chính quyền và Công đoàn được triển khai hiệu quả, thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức thành công Hội nghị Người lao động năm 2025. Thông qua đối thoại định kỳ, các ý kiến của người lao động được giải quyết kịp thời, không phát sinh khiếu nại, tranh chấp.

Ban Điều hành tạo điều kiện để các đoàn thể phát động phong trào thi đua, đồng thời triển khai nhiều chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Môi trường làm việc ngày càng được cải thiện, đảm bảo an toàn, góp phần giúp người lao động yên tâm gắn bó và nâng cao hiệu quả công việc.

1.2. Tình hình tài chính & công nợ

Công tác quản lý tài chính đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định; Thực hiện kiểm soát, quản lý chặt chẽ công nợ, cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; Quản lý chặt chẽ chi tiêu, tiết kiệm chi phí sản xuất và kinh doanh; Giám sát chặt chẽ các đơn vị sử dụng vốn lưu động, hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển, công nợ....;

Do điều kiện về tài chính, nợ ngân hàng, lỗ lũy kế kéo dài nên Công ty không tiếp cận được các nguồn vốn vay. Nguồn vốn chủ yếu để duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động là nguồn vốn tích lũy từ hiệu quả SXKD và khấu hao hàng năm.

Công nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là **2.814.056** triệu đồng.

Trong đó:

- Phải trả nợ quá hạn NH TMCP Sài Gòn Thương Tín: 2.749.008 triệu đồng
- Phải trả Tổng Cty TM Sài Gòn-TNHH MTV (lãi vay vốn): 24.799 triệu đồng
- Nợ luân chuyển là: 41.308 triệu đồng

*** Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Sacombank 2.749.008 triệu đồng, bao gồm:**

- Nợ vốn gốc: 994.282 triệu đồng;
- + Tiền VNĐ: 103.000 triệu đồng;
- + Vàng SJC: 5.833 lượng vàng SJC tương đương 891.282 triệu đồng (theo giá vàng tại ngày 31/12/2025)
- Nợ lãi vay: 1.754.726 triệu đồng (lãi vay tạm tính theo lãi suất trên hợp đồng tín dụng là 12%/năm, chưa tính lãi quá hạn).

Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua nhiều năm và theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng thành các phương án để đàm phán với Ngân hàng nhưng không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý. Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này. Hiện nay,

Ngân hàng TMCP Sacombank vẫn đang cùng Tòa án thực hiện các thủ tục pháp lý để tiến hành xét xử vụ kiện Công ty APT.

Như vậy, khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo Tài chính năm 2025 thực chất là khoản lỗ do phát sinh khoản lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sacombank (Ngân hàng TMCP Phương Nam) và xử lý dự phòng công nợ, hàng tồn kho... của những năm trước đó. **Điều này dẫn đến Công ty đang bị âm vốn chủ sở hữu và tình hình tài chính mất cân đối.**

1.2.1 Đối với công nợ phải thu:

Công nợ phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là **121.366** triệu đồng. Trong đó, nợ phải thu khó đòi do tồn tại cũ là 111.107 triệu đồng, nợ phải thu đang luân chuyển là 10.259 triệu đồng.

1.2.2 Đối với công nợ phải trả:

Theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty APT và Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về quyết toán chuyển thể. Đến thời điểm 31/12/2025, số liệu nợ phải trả quá hạn kéo dài chưa cân đối được nguồn tiền để thanh toán **2.814,06 tỷ đồng:**

- Phải trả Tổng cty TM Sài Gòn-TNHH MTV lãi vay vốn: 24,8 tỷ đồng
- Phải trả nợ quá hạn NH TMCP Sài Gòn Thương Tín: 2.749,01 tỷ đồng

Đối với khoản nợ Ngân hàng Sacombank 2.749,01 tỷ đồng: Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua nhiều năm và theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng thành các phương án để đàm phán với Ngân hàng nhưng không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý. Năm 2023 Ngân hàng Sacombank đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận Bình Tân. Hiện nay, Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

Đối với khoản nợ phải trả Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV (SATRA): Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **24.799 triệu đồng**, đây là khoản lãi vay phát sinh do Công ty vay vốn kinh doanh trước đây. Hiện nay, Ban Điều hành Công ty đang phối hợp với SATRA rà soát, đối chiếu hồ sơ của khoản nợ này để có phương án xử lý nợ

phù hợp. Tuy nhiên, ngày 26/5/2026, SATRA đã khởi kiện Công ty ra Tòa án nhằm yêu cầu thanh toán khoản nợ trên.

Ngoài ra, theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII về Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần tại Công ty APT thì Công ty còn phải nộp về Ngân sách nhà nước và Satra số tiền 28.258 triệu đồng, bao gồm: Phải nộp NSNN Thành phố Hồ Chí Minh các khoản thu từ cổ phần hóa 17.885 triệu đồng; Phải nộp về SATRA khoản lợi nhuận tăng thêm theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần số tiền là 10.373 triệu đồng.

Trên cơ sở số liệu theo Kết luận Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty đã cùng Satra tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân và các Sở ban ngành phê duyệt quyết toán chuyển thể. Đồng thời, xây dựng phương án về lộ trình nộp trả ngân sách Nhà nước trình Ủy ban tiếp tục xem xét.

Trên cơ sở số liệu theo Kết luận Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty đã cùng Satra tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân và các Sở ban ngành phê duyệt quyết toán chuyển thể.

Trong quá trình thực hiện, Ban Điều hành đã kịp thời báo cáo và xin ý kiến HĐQT, tiếp tục gửi văn bản trình UBND TP xem xét không thu hồi số tiền này. Trong trường hợp không được xem xét, Ban Điều hành sẽ tham mưu phương án về lộ trình nộp trả ngân sách Nhà nước trình UB tiếp tục xem xét.

Điều kiện về tình hình tài chính của Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn, nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho gần 300 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả ngân sách Nhà nước, nợ lãi cho Satra và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm gây bất ổn xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Công tác kế hoạch đầu tư:

Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

Công ty đã thực hiện đúng chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt.

Cụ thể:

- Kế hoạch được duyệt: 7.974 triệu đồng.
- Thực hiện: 7.457 triệu đồng (đạt 93,5% kế hoạch).

2. Về công tác khởi kiện, thu hồi công nợ, giải quyết khoản nợ vay Ngân Hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây).

2.1 Công tác khởi kiện, thu hồi công nợ:

Công nợ phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là **121.366** triệu đồng. Trong đó, nợ phải thu khó đòi do tồn tại cũ là 111.107 triệu đồng, nợ phải thu đang luân chuyển là 10.259 triệu đồng.

Nợ phải thu khó đòi còn lại 111.107 triệu đồng, phát sinh từ năm 2009 trở về trước, đã được trích lập dự phòng 100% và được Công ty khởi kiện, thi hành án theo quy định. Trong nhiều năm qua, Ban Điều hành đã tích cực theo dõi, đeo bám xử lý các hồ sơ liên quan. Tuy nhiên, khả năng thu hồi nợ rất thấp do phần lớn đối tượng thi hành án không còn tài sản, không có khả năng thanh toán hoặc đã qua đời không để lại di sản thừa kế. Đối với các trường hợp còn tài sản, phần lớn tài sản đã được thế chấp tại ngân hàng nên phải ưu tiên thanh toán nghĩa vụ vay trước; trong khi giá trị tài sản thường thấp hơn dư nợ vay, dẫn đến khả năng thu hồi phần công nợ của Công ty gần như không đáng kể.

2.2 Công tác giải quyết công nợ quá hạn phải trả.

Công nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là **2.814.056** triệu đồng.

Trong đó:

- Phải trả nợ quá hạn NH TMCP Sài Gòn Thương Tín: 2.749.008 triệu đồng
- Phải trả Tổng Cty TM Sài Gòn-TNHH MTV (lãi vay vốn): 24.799 triệu đồng
- Nợ luân chuyển là: 41.308 triệu đồng

3. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành của Công ty đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên; Chủ trương, Nghị quyết

của Hội đồng Quản trị; Có nhiều nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025; Chăm lo tốt đời sống người lao động, không để xảy ra các cuộc đình công, lãng công.

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để Hội đồng Quản trị có chỉ đạo kịp thời.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Chỉ đạo, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2026.
- Lãnh đạo Ban Tổng Giám đốc phối hợp với chủ sở hữu vốn Nhà nước sớm hoàn tất thủ tục quyết toán chuyển thể giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước và xây dựng lộ trình nộp Ngân sách Nhà nước theo thời hạn 5 năm.
- Tăng cường công tác giám sát tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bảo đảm các số liệu được cập nhật liên tục, đồng bộ nhất quán giúp HĐQT cập nhật kịp thời thông tin, có định hướng chỉ đạo nhanh chóng ngăn chặn các rủi ro tiềm ẩn cho Công ty.
- Tìm kiếm các phương án, giải pháp để xử lý khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây), hoàn trả ngân sách Nhà nước.
- HĐQT tiếp tục theo dõi sát sao và phối hợp với đơn vị pháp lý để xử việc “Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh” với SATRA nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi Công ty
- HĐQT tiếp tục theo dõi sát sao tình hình chưa đáp ứng tiêu chí về yêu cầu vốn chủ sở hữu theo Luật Chứng khoán.

Trên là Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn. Kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:



Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2022-2027) được bầu theo danh sách như sau:

1. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy - Chủ tịch HĐQT.
 - Thành viên không điều hành.
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 24,05% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam).
2. Bà Đỗ Ngọc Nga - Thành viên HĐQT
 - Giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 01/02/2023.
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057 % (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam)..
3. Bà Mạc Bùi Nhã Uyên - Thành viên HĐQT
 - Giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 25/04/2025
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.400 Cổ phần sở hữu cá nhân.

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022- 2027) được Đại hội Cổ đông thường

niên năm 2022 bầu ra ngày 28/4/2022, được bầu bổ sung ngày 25/04/2025 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành.

+ Tại đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022. Hội đồng Quản trị Công ty đã họp phiên đầu tiên và bầu Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Vào ngày 06/01/2023 Hội đồng Quản trị đã bầu Ông Nguyễn Thành Vinh Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách.

+ Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cổ đông đã đồng thuận chấp nhận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Thành Vinh và bầu bà Mạc Bùi Nhã Uyên làm thành viên Hội đồng quản trị kể từ 25/04/2025.

1.3. Kết quả thi hành nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông năm 2025

STT	Nghị quyết năm	Nội dung chính	Kết quả	Ghi chú
1	2025	Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 & kế hoạch hoạt động năm 2025		Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
2		Thông qua báo cáo Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025	Công ty đã hoàn thành Kế hoạch lợi nhuận.	
3		Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025		
4		Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025	HĐQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	
5		Thông qua Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024		
6		Thông qua Báo cáo Tổng hợp tình hình thực hiện quyết toán chuyển thể giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang Công ty Cổ phần		
7		Thông qua Báo cáo tình hình thoái phần vốn góp của APT tại	APT đã thoái thành công phần vốn góp tại	

		công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên	Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên	
8		Thông qua báo cáo về quá trình xử lý nợ vay Ngân hàng Sacombank		
9		Thông qua Tờ trình Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và tổ chức bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022-2027)		

1.4 Nghị quyết, quyết định quan trọng của Hội Đồng Quản Trị

Từ sau đại hội đồng Cổ đông năm 2025 đến nay, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp thường lệ 04 phiên, lấy ý kiến bằng văn bản 04 phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty. Sau đây là một số nghị quyết, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	03/NQ-HĐQT/2025	15/05/2025	Thông qua phương án đầu tư cổ phiếu niêm yết	66.7%
02	04/NQ-HĐQT/2025	15/05/2025	Thông qua đề xuất thanh lý xe ô tô đã qua sử dụng	66.7%
03	05/NQ-HĐQT/2025	15/05/2025	Chấp thuận chi lương bổ sung cho Ông Nguyễn Thành Vinh	66.7%
04	06/NQ-HĐQT/2024	31/05/2025	Chấp thuận bổ nhiệm Bà Lê Ngọc Châu làm người quản trị Công ty	100%
05	07/NQ-HĐQT/2025	11/07/2025	Chấp thuận cử nhân sự tham gia Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV	100%
06	01/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết Về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty	100%
07	02/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết Về việc phê duyệt điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.	100%

08	03/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết Về việc Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan: Công ty Cổ phần Somo Farm Cửu Long	100%
09	04/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết Về việc Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan: Công ty Quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền	100%
10	05/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết Về việc Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan: Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trung tâm điều hành cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	100%
11	06/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết Về việc Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan: Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trung tâm phân phối SATRA	100%
12	07/NQ-HĐQT/2026	15/01/2026	Nghị quyết Về việc chấp thuận đề xuất liên quan đến hủy tư cách đại chúng	100%
13	08/NQ-HĐQT/2026	15/01/2026	Nghị quyết Về việc xin phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	100%
14	09/NQ-HĐQT/2026	05/02/2026	Nghị quyết chấp thuận trang bị xe ô tô mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	66.7%
15	10/NQ-HĐQT/2026	13/02/2026	Nghị quyết Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026	100%

1.5 Đánh giá chung.

Về cơ bản, HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm giao, diễn hình như:

- Định kỳ hàng quý họp HĐQT với sự tham dự đầy đủ của thành viên HĐQT, Ban

Kiểm soát và Ban Điều hành.

- HĐQT luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nắm bắt diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành Công ty **thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao**. Tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT Công ty báo cáo kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch, cụ thể về chủ trương, phương hướng nhằm khôi phục, phát triển sản xuất kinh doanh Công ty, tạo được niềm tin đối với các cổ đông.

1.6. Công tác quyết toán chuyển thể giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang Công ty Cổ phần và công tác tái cấu trúc Công ty.

- Công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là 28.258.592.313 đồng. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng Tổng công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (gọi tắt là SATRA) hoàn tất thực hiện công tác đối chiếu, tổng hợp hồ sơ và đã nộp trình Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty APT của SATRA xem xét phê duyệt trình Ủy ban Nhân dân Thành phố.

- Công tác tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 477/TB-VP ngày 12/7/2010 hiện vẫn chưa thực hiện được do quá trình quyết toán chuyển thể giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước chưa hoàn tất và UBND Thành phố cũng chưa có kết luận cuối cùng về kết quả thực hiện kết luận Thanh tra.

1.7. Chỉ đạo công tác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng Quản trị luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như nắm bắt diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng Cổ đông giao cho

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 đã bầu Ban Kiểm soát năm 2023 và nhiệm kỳ IV (2022-2027) gồm 3 thành viên

1. Ông Vũ Minh Bảo: - Trưởng Ban Kiểm soát.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam).

2. Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam).

3. Bà Lê Thị Thùy Trang - Thành viên Ban Kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8% (Người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV).

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa đã có đơn xin từ nhiệm. Đại hội đồng Cổ đông Công ty với kết quả lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội chấp thuận miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa và bầu Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh làm thành viên Ban Kiểm soát.



2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên được phân công phụ trách những vấn đề phù hợp với chuyên môn, gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp và thực hiện các chỉ tiêu tài chính;
2. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
3. Giám sát việc thực hiện, chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo đã được Hội đồng quản trị Công ty ban hành về tình hình hoạt động của Công ty;
4. Giám sát việc xây dựng, sửa đổi, thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty. Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ, cần trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật;
5. Phân công thành viên Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị Công ty. Trên cơ sở đó, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kiến nghị những vấn đề có liên quan đến công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành Công ty.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã nhận thấy Công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

2.3 Đánh giá hoạt động.

2.3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và thành viên tham dự theo quy định của điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị đã đề ra các chiến lược và định hướng kinh doanh để từng bước đưa Công ty APT vượt qua các khó khăn.
- Các quyết định của Hội đồng quản trị về việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 được ban hành kịp thời và kiểm tra thường xuyên, phù hợp với lợi ích của Công ty và các Cổ đông.

2.3.2 Hoạt động của Ban Điều hành:

- Ban Điều hành Công ty gồm 02 thành viên (*Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc*).

- Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

- Ban Điều hành duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công việc làm ổn định cho người lao động.

- Công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là 17.884.275.438 đồng và nộp về Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (Satra) là 10.374.316.875 đồng. Ban Điều hành đã tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét về lộ trình nộp tiền về ngân sách nhưng không được giải quyết, tại Công văn 5175/UBND-KT ngày 18/10/2023 của UBND Thành phố đã yêu cầu Công ty khẩn trương nộp về NSNN các khoản thu từ cổ phần hóa theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước KV VIII, tại Văn bản số 1947/TCT- KH&ĐTTC ngày 23/10/2023 của Satra yêu cầu sắp xếp nộp số tiền 10.374.316.875 đồng về Satra. Hiện Công ty chưa thực hiện nộp các khoản trên về NSNN được, do Satra chưa thực hiện điều chỉnh số liệu sổ sách do chờ thông qua Đại hội cổ đông và quyết toán chính thức. Nên trong năm 2024 Công ty cũng chưa thực hiện được nội dung theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Công bố thông tin đối với Công ty Đại chúng. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, ... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, Cổ phiếu lên sàn Upcom tạo điều kiện cổ đông nắm được thông tin cổ phiếu,...

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định.

2.3.3 Công tác phối hợp giữa ban kiểm soát với hội đồng quản trị, ban điều hành và cổ đông của công ty.

Ban Kiểm soát đã nhận được các thông tin và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HDQT), Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Ban Kiểm soát tham dự các phiên họp của HDQT. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát. Trong năm, Ban Kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HDQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cán bộ quản lý của Công ty.

2.4 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

Ngoài các khoản công tác phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không nhận bất kỳ khoản lương, thù lao nào khác trong năm 2025.

2.4.1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

2.4.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng với Trung tâm phân phối SATRA-Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên
- Hợp đồng với Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền
- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Somo Farm Cửu Long

2.4.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã trình Hội đồng Quản trị phê duyệt Quy định trả lương, trả thưởng và Quy chế Quản lý tài chính Công ty.
- Công ty đã thực hiện đúng qui chế nội bộ về quản trị Công ty

VI. Báo cáo Tài chính:

Ý kiến của kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 280325.10/BCTC.HCM ngày 28/03/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh số liệu sổ sách kế toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc chúng tôi tiếp tục đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể như sau:

- Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 2.708,75 tỷ VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 2.618,92 tỷ VND, lỗ lũy kế hiện tại đã gấp 30,78 lần so với vốn điều lệ (88 tỷ VND). Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với mức chênh lệch 2.658,39 tỷ VND, tổng nợ phải trả của Công ty là 2.814,06 tỷ VND, cao gấp 31.99 lần vốn điều lệ. Tổng nợ quá hạn thanh toán lên đến 2.789,85 tỷ VND (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 và số 19 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính), trong đó khoản nợ ngân hàng (gốc và lãi) quá hạn là 2.749,01 tỷ VND, các khoản nợ khác quá hạn là 40,84 tỷ VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về các số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024, cũng như chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như xác định số tổn thất (nếu có) của các khoản phải thu này với tổng giá trị tại các thời điểm cùng là 110,14 tỷ VND. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2025	31/12/2024
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	71.504.310.746	71.504.310.746
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.650.000.000	5.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	32.981.001.543	33.093.651.086

Ngoài ra, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập

được đầy đủ các thư xác nhận về số dư các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 31/12/2024 với tổng giá trị lần lượt là 2.790,24 tỷ VND và 1.624,29 tỷ VND. Chúng tôi không thể đánh giá được tính đầy đủ, chính xác của các khoản công nợ phải trả này cũng như các nghĩa vụ nợ khác có liên quan (nếu có) phát sinh từ các khoản phải trả này. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2025	31/12/2024
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	389.925.937	389.925.937
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.795.564.721.890	1.029.762.001.740
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	994.282.400.000	594.138.600.000

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn vẫn chưa được điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty TNHH Kinh doanh Thủy hải sản (nay là Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn) do Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII lập ngày 26/05/2020 và Công văn số 145/KV VIII-TH ngày 30/06/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII. Đồng thời, Báo cáo quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm cổ phần hoá vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Công ty hiện đang bị các đối tác nộp đơn kiện tại Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh):

- Ngày 28/04/2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã có Đơn khởi kiện Công ty liên quan đến vụ việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và yêu cầu buộc Công ty chi trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 1.426.084.451.921 VND và lãi tiếp tục được tính trên mức lãi suất nợ quá hạn (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Tính đến thời điểm hiện tại, khoản nợ gốc vay bằng vàng và vay bằng tiền vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã quá hạn thanh toán, Công ty vẫn chưa ghi nhận và chưa tính lãi quá hạn đối với các khoản nợ gốc vay đã quá hạn thanh toán này (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 19 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

- Ngày 26/05/2025, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc "Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh" và yêu

cầu Công ty hoàn trả toàn bộ số tiền 24.799.354.131 VND, đây là số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ năm 2008 đến năm 2012 liên quan đến 05 Hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 36 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó đang trình bày các thông tin chi tiết liên quan đến việc Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo các quy định hiện hành. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

TOÀN VĂN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN ĐÍNH KÈM.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- HNX (Để công bố thông tin);
- HDQT (Để báo cáo);
- Ban KS (Để TT);
- Lưu P.TCHC, TK.Công ty.


TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ NGỌC NGÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 44
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300523755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 08 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Lâm Vinh Hùv	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên	
Bà Mạc Bùi Nhã Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Ngọc Nga	Tổng Giám đốc
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Minh Bảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên
Bà Lê Thị Thùy Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Bà Đỗ Ngọc Nga - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Nga

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 280325.10/BCTC.HCM ngày 28/03/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh số liệu sổ sách kế toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc chúng tôi tiếp tục đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể như sau:

- Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 2.708,75 tỷ VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 2.618,92 tỷ VND, lỗ lũy kế hiện tại đã gấp 30,78 lần so với vốn điều lệ (88 tỷ VND). Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với mức chênh lệch 2.658,39 tỷ VND, tổng nợ phải trả của Công ty là 2.814,06 tỷ VND, cao gấp 31,99 lần vốn điều lệ. Tổng nợ quá hạn thanh toán lên đến 2.789,85 tỷ VND (*thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 và số 19 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*), trong đó khoản nợ ngân hàng (gốc và lãi) quá hạn là 2.749,01 tỷ VND, các khoản nợ khác quá hạn là 40,84 tỷ VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về các số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024, cũng như chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như xác định số tổn thất (nếu có) của các khoản phải thu này với tổng giá trị tại các thời điểm cùng là 110,14 tỷ VND. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2025	31/12/2024
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	71.504.310.746	71.504.310.746
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.650.000.000	5.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	32.981.001.543	32.981.001.543

- Ngoài ra, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về số dư các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 31/12/2024 với tổng giá trị lần lượt là 2.790,24 tỷ VND và 1.624,29 tỷ VND. Chúng tôi không thể đánh giá được tính đầy đủ, chính xác của các khoản công nợ phải trả này cũng như các nghĩa vụ nợ khác có liên quan (nếu có) phát sinh từ các khoản phải trả này. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2025	31/12/2024
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	389.925.937	389.925.937
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.795.564.721.890	1.029.762.001.740
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	994.282.400.000	594.138.600.000

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn vẫn chưa được điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty TNHH Kinh doanh Thủy hải sản (nay là Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn) do Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII lập ngày 26/05/2020 và Công văn số 145/KV VIII-TH ngày 30/06/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII. Đồng thời, Báo cáo quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Công ty hiện đang bị các đối tác nộp đơn kiện tại Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh):

- Ngày 28/04/2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã có Đơn khởi kiện Công ty liên quan đến vụ việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và yêu cầu buộc Công ty chi trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 1.426.084.451.921 VND và lãi tiếp tục được tính trên mức lãi suất nợ quá hạn (*thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*). Tính đến thời điểm hiện tại, khoản nợ gốc vay bằng vàng và vay bằng tiền vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã quá hạn thanh toán, Công ty vẫn chưa ghi nhận và chưa tính lãi quá hạn đối với các khoản nợ gốc vay đã quá hạn thanh toán này (*thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 19 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*).
- Ngày 26/05/2025, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc "Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh" và yêu cầu Công ty hoàn trả toàn bộ số tiền 24.799.354.131 VND, đây là số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ năm 2008 đến năm 2012 liên quan đến 05 Hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh (*thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*).

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 36 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó đang trình bày các thông tin chi tiết liên quan đến việc Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo các quy định hiện hành.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Lê Khánh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5935-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.920.536.669	108.266.617.526
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	12.643.653.447	32.749.870.027
111	1. Tiền		12.643.653.447	32.749.870.027
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	67.267.401.222	18.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		29.441.292.257	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.223.891.035)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.050.000.000	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.259.115.271	19.063.633.813
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	81.127.261.530	86.461.869.130
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	5.795.481.438	5.650.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	34.442.981.610	38.062.373.990
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(111.106.609.307)	(111.110.609.307)
140	IV. Hàng tồn kho	09	53.915.750.386	32.058.438.600
141	1. Hàng tồn kho		53.915.750.386	32.580.262.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(521.824.027)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.834.616.343	6.394.675.086
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		5.492.368.746	6.332.231.331
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.342.247.597	62.443.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.216.269.765	67.647.622.385
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		324.471.893	324.471.893
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	324.471.893	324.471.893
220	II. Tài sản cố định		27.235.644.754	32.740.617.185
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.235.644.754	32.740.617.185
222	- Nguyên giá		134.458.238.166	135.139.342.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.222.593.412)	(102.398.725.323)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(365.560.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	-	20.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	20.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.656.153.118	14.582.533.307
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.656.153.118	14.582.533.307
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		195.136.806.434	175.914.239.911

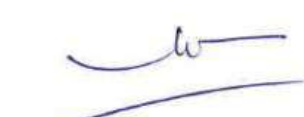
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.814.056.049.804	1.642.039.359.458
310	I. Nợ ngắn hạn		2.810.306.323.078	1.639.461.110.462
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.685.794.096	2.291.876.956
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.569.560.551	2.564.842.489
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	61.380.550	11.113.016
314	4. Phải trả người lao động		6.657.891.024	4.067.973.874
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.199.213.805	3.836.450.704
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	286.726.278	842.546.898
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.797.546.611.730	1.031.690.961.481
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	994.282.400.000	594.138.600.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		3.749.726.726	2.578.248.996
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.749.726.726	2.578.248.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(2.618.919.243.370)	(1.466.125.119.547)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(2.618.919.243.370)	(1.466.125.119.547)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.708.751.065.671)	(1.555.956.941.848)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.555.956.941.848)	(1.354.547.439.223)
421b	LNST chưa phân phối năm này		(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		195.136.806.434	175.914.239.911


 Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập


 Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng




 Đỗ Ngọc Nga
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	267.915.228.630	251.225.417.846
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2.684.159.718	754.262.866
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.231.068.912	250.471.154.980
11	4. Giá vốn hàng bán	24	214.243.707.673	208.294.554.455
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.987.361.239	42.176.600.525
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.935.558.900	3.448.103.194
22	7. Chi phí tài chính	26	1.167.544.000.224	208.412.391.549
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		170.127.089.470	66.493.018.280
25	8. Chi phí bán hàng	27	24.475.885.065	23.572.570.636
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	16.467.523.235	15.007.290.776
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.152.564.488.385)	(201.367.549.242)
31	11. Thu nhập khác	29	7.902.864	407.839
32	12. Chi phí khác	30	596.495	42.361.222
40	13. Lợi nhuận khác		7.306.369	(41.953.383)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.152.557.182.016)	(201.409.502.625)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	236.941.807	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(130.999)	(22.887)

Đoàn Thị Thu Hà
Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		276.140.037.557	252.962.930.721
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(254.885.512.257)	(194.984.390.842)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(33.055.730.000)	(35.429.098.801)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(236.941.807)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.621.634.722	2.616.064.172
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.015.663.760)	(15.732.419.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.432.175.545)	9.433.085.336
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(504.000.000)	(4.391.162.963)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		759.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(102.550.000.000)	(57.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		81.500.000.000	69.100.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.230.400.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.828.966.012	1.854.220.349
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.264.456.921	9.563.057.386
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(20.167.718.624)	18.996.142.722
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.749.870.027	13.633.541.616
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.502.044	120.185.689
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	12.643.653.447	32.749.870.027

Đoàn Thị Thu Hà
Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300523755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 08 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 88.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 88.000.000.000 VND; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 259 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 299 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; Mua bán thực phẩm; Công nghệ phẩm; Nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 2.708,75 tỷ VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 2.618,92 tỷ VND, lỗ lũy kế hiện tại đã gấp 30,78 lần so với vốn điều lệ (88 tỷ VND). Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với mức chênh lệch 2.658,39 tỷ VND, tổng nợ phải trả của Công ty là 2.814,06 tỷ VND, cao gấp 31,99 lần vốn điều lệ. Tổng nợ quá hạn thanh toán lên đến 2.789,85 tỷ VND, trong đó khoản nợ ngân hàng (gốc và lãi) quá hạn là 2.749,01 tỷ VND, các khoản nợ khác quá hạn là 40,84 tỷ VND.

Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng các phương án nhằm đảm bảo nguồn thu từ kế hoạch sản xuất kinh doanh và dòng tiền ổn định để đáp ứng nghĩa vụ tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục là phù hợp.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm 2025 các khoản chi phí lãi vay cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 110,13 tỷ VND. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các Hợp đồng tín dụng và các Phụ kiện Hợp đồng tín dụng có liên quan, Công ty vẫn chưa ghi nhận và chưa tính lãi quá hạn đối với các khoản nợ gốc vay bằng vàng và tiền đã quá hạn thanh toán này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông Hải sản Xuất khẩu	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chiết rót nước mắm	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến nước mắm
Xưởng đông lạnh Hưng Thịnh	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản Tiền Giang	Ấp Tân An, Xã Hiệp Đức, Tỉnh Đồng Tháp	Nuôi trồng thủy sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31	năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08	năm
- Các tài sản khác	04 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của từng loại, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá của bộ phận kỹ thuật Công ty, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết của ngân hàng cho vay tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí sửa chữa, chi phí xuất khẩu hàng hóa, chi phí điện, chi phí nước và các chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	240.309.000	97.651.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.403.344.447	32.652.219.027
	12.643.653.447	32.749.870.027

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	39.050.000.000	-	18.000.000.000	-
	39.050.000.000	-	18.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 05 tháng đến 06 tháng với tổng giá trị 39.050.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,7%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vincom Retail ⁽¹⁾	VRE	6.577.606.035	5.353.715.000	(1.223.891.035)	-	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần ⁽²⁾	TL4	22.863.686.222	26.717.090.400	-	-	-	-
		29.441.292.257	32.070.805.400	(1.223.891.035)	-	-	-

(1) Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2025.

(2) Các chứng khoán kinh doanh niêm yết trên sàn UpCom, biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và giá trị của chúng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý là giá đóng cửa trên thị trường tại thời điểm cuối năm lập Báo cáo tài chính (tại ngày 31/12/2025).

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
- Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên ^(*)	-	-	20.000.000.000	-
	-	-	20.000.000.000	-

(*) Ngày 14/08/2025, Công ty đã hoàn thành việc bán toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên theo hình thức bán đấu giá tài sản. Giá gốc của khoản đầu tư này là 20.000.000.000 VND, tương ứng 40% vốn điều lệ Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên. Khoản đầu tư này đã được bán đấu giá thành công với giá bán là 21.230.400.000 VND, lợi nhuận từ việc thoái vốn bán toàn bộ khoản đầu tư này là 1.230.400.000 VND (xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 25). Toàn bộ số tiền thoái vốn bán khoản đầu tư này đã được Công ty thu tiền đầy đủ.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	439.509.783	-	709.552.441	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	438.370.333	-	709.171.741	-
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	1.139.450	-	380.700	-
Bên khác	80.687.751.747	(72.475.607.764)	85.752.316.689	(72.479.607.764)
- Công nợ phải thu phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	71.504.310.746	(71.504.310.746)	71.504.310.746	(71.504.310.746)
+ Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	(50.793.016.862)	50.793.016.862	(50.793.016.862)
+ Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	(7.659.225.191)	7.659.225.191	(7.659.225.191)
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Chợ Lớn	3.370.072.024	(3.370.072.024)	3.370.072.024	(3.370.072.024)
+ Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	(2.591.340.517)	2.591.340.517	(2.591.340.517)
+ DNTN Thương mại Thủy sản Trung Nam	1.891.453.600	(1.891.453.600)	1.891.453.600	(1.891.453.600)
+ Các đối tượng khác	5.199.202.552	(5.199.202.552)	5.199.202.552	(5.199.202.552)
- Các khách hàng khác	9.183.441.001	(971.297.018)	14.248.005.943	(975.297.018)
	81.127.261.530	(72.475.607.764)	86.461.869.130	(72.479.607.764)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công nợ ứng trước phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	5.650.000.000	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)
- Trả trước cho người bán khác	145.481.438	-	-	-
	5.795.481.438	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	693.405.898	-	315.526.027	-
Tạm ứng	45.000.000	-	4.455.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	103.078.428	-	43.078.428	-
Công nợ phải thu khác phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	32.981.001.543	(32.981.001.543)	32.981.001.543	(32.981.001.543)
Phải thu khác	620.495.741	-	267.767.992	-
	34.442.981.610	(32.981.001.543)	38.062.373.990	(32.981.001.543)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	324.471.893	-	324.471.893	-
	324.471.893	-	324.471.893	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	276.425.099	-	238.288.110	-
	276.425.099	-	238.288.110	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	72.560.046.894	84.439.130	72.831.296.214	351.688.450
- Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	-	50.793.016.862	-
- Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	-	7.659.225.191	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chợ Lớn	3.370.072.024	-	3.370.072.024	-
- Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	-	2.591.340.517	-
- Các đối tượng khác	8.146.392.300	84.439.130	8.417.641.620	351.688.450
Trả trước cho người bán	5.650.000.000	-	5.650.000.000	-
- Ông Trần Văn Lợi	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-
- Ông Bùi Văn Tùng	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt Long	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu khác	32.981.001.543	-	32.981.001.543	-
- Ông Trương Văn Ruồng	7.845.270.151	-	7.845.270.151	-
- Ông Võ Lương Phương Trọng	7.485.233.856	-	7.485.233.856	-
- Ông Phan Trọng Hiệp	6.752.377.240	-	6.752.377.240	-
- Ông Trần Văn Út	2.549.673.775	-	2.549.673.775	-
- Các đối tượng khác	8.348.446.521	-	8.348.446.521	-
	111.191.048.437	84.439.130	111.462.297.757	351.688.450

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.718.659.042	-	3.720.391.540	(31.607.113)
Công cụ, dụng cụ	80.224.000	-	116.251.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.383.899.935	-	2.786.056.461	-
Thành phẩm	41.716.353.531	-	23.996.168.383	(490.216.914)
Hàng hoá	422.891.600	-	5.161.780	-
Hàng gửi đi bán	1.593.722.278	-	1.956.233.463	-
	53.915.750.386	-	32.580.262.627	(521.824.027)

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.603.256.596	66.227.735.713	10.169.458.774	254.023.720	4.884.867.705	135.139.342.508
- Mua trong năm	-	504.000.000	-	-	-	504.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.185.104.342)	-	-	(1.185.104.342)
Số dư cuối năm	53.603.256.596	66.731.735.713	8.984.354.432	254.023.720	4.884.867.705	134.458.238.166
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.569.053.377	54.196.140.280	7.427.113.384	254.023.720	3.952.394.562	102.398.725.323
- Khấu hao trong năm	2.077.303.224	2.557.908.976	493.328.099	-	133.569.504	5.262.109.803
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(438.241.714)	-	-	(438.241.714)
Số dư cuối năm	38.646.356.601	56.754.049.256	7.482.199.769	254.023.720	4.085.964.066	107.222.593.412
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.034.203.219	12.031.595.433	2.742.345.390	-	932.473.143	32.740.617.185
Tại ngày cuối năm	14.956.899.995	9.977.686.457	1.502.154.663	-	798.903.639	27.235.644.754

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.125.020.624 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.930.997.320 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2025, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 365.560.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo ⁽¹⁾	7.657.372.080	8.021.981.328
Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ ⁽²⁾	2.693.888.863	2.795.484.823
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.259.249.149	3.642.293.384
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.643.026	122.773.772
	15.656.153.118	14.582.533.307

(1) Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê từ năm 2005 đến năm 2047 với tổng diện tích là 20.340 m². Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 42 năm.

(2) Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê từ năm 2006 đến năm 2056. Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 50 năm.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Bùi Hữu Đức	653.760.000	653.760.000	-	-
- Phạm Thị Bích Nơ	420.864.000	420.864.000	-	-
- Huỳnh Thanh Dương	287.000.000	287.000.000	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì nhựa Vĩnh Phát	244.669.680	244.669.680	393.739.920	393.739.920
- Phải trả người bán khác	1.079.500.416	1.079.500.416	1.898.137.036	1.898.137.036
	2.685.794.096	2.685.794.096	2.291.876.956	2.291.876.956

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	81.460.174	196.065.475
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	81.460.174	196.065.475
<i>Bên khác</i>	1.488.100.377	2.368.777.014
- Asco Foods Limited	369.389.677	1.504.555.886
- Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	389.925.937	389.925.937
- Công ty TNHH Fresco Foods	171.526.787	171.526.787
- Người mua trả tiền trước khác	557.257.976	302.768.404
	1.569.560.551	2.564.842.489

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.951.927	-	-	-	13.951.927	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	10.656.154	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	236.941.807	236.941.807	37.835.674	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.113.016	428.920.516	378.652.982	-	61.380.550
Thuế Tài nguyên	-	-	10.214.040	10.214.040	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4.281.009.828	6.560.813.670	2.279.803.842	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
	62.443.755	11.113.016	4.966.086.191	7.195.622.499	2.342.247.597	61.380.550

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	1.777.017.373	-
- Chi phí hội họp	1.027.000.000	806.800.000
- Chi phí điện	763.390.108	540.104.882
- Chi phí hoa hồng, vận chuyển, bốc xếp	590.218.061	-
- Chi phí xuất khẩu hàng hóa	556.212.187	611.358.987
- Chi phí chiết khấu trích trước	445.000.000	488.000.000
- Chi phí nước	73.964.740	47.999.313
- Chi phí phải trả khác	1.966.411.336	1.342.187.522
	7.199.213.805	3.836.450.704

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	286.726.278	842.546.898
	286.726.278	842.546.898

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả về cổ phần hoá ⁽³⁾	11.267.612.814	11.267.612.814
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.106.519.489	1.349.275.581
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả lãi vay ⁽¹⁾	1.779.524.650.916	1.013.721.930.766
+ Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn	24.799.354.131	24.799.354.131
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND	196.674.533.345	184.142.866.675
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng	1.558.050.763.440	804.779.709.960
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về đi dời chợ Xóm Cũi và sân cá 50 ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí đi dời ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	875.370.351	579.684.160
	1.797.546.611.730	1.031.690.961.481
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.749.726.726	2.578.248.996
	3.749.726.726	2.578.248.996

18 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO):

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả về cổ phần hoá ⁽³⁾	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả lãi vay ⁽¹⁾	1.779.524.650.916	1.013.721.930.766
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn</i>	<i>24.799.354.131</i>	<i>24.799.354.131</i>
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND</i>	<i>196.674.533.345</i>	<i>184.142.866.675</i>
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng</i>	<i>1.558.050.763.440</i>	<i>804.779.709.960</i>
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Cũi và sân cá 50 ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
	1.795.564.721.890	1.029.762.001.740

d) Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn:

(1) Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam*) và Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên không có khả năng thanh toán (*xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35*).

(2) Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần hóa đang chờ quyết toán.

(3) Trong đó, bao gồm số tiền 11,178 tỷ VND liên quan đến nguồn vốn Sở Tài chính cấp cho Công ty để thực hiện Dự án Nhà máy Tân Tạo từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến sau thời điểm cổ phần hóa.

e) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	28.277.772.167	28.277.772.167
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	107.019.489	107.019.489
	28.384.791.656	28.384.791.656

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
	Giá trị	Tăng ^(*)	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam)	594.138.600.000	400.143.800.000	-	994.282.400.000
	594.138.600.000	400.143.800.000	-	994.282.400.000

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có đủ cơ sở để đánh giá số có khả năng trả nợ do Công ty đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ nêu trên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số dư tại ngày 31/12/2025 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 011/PKHĐ.2009/CN-CL/SB ngày 22/05/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 103.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu (theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh);
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 1%/tháng (tương ứng 12%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, cụ thể là 1,5%/tháng;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HDTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103.000.000.000 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 009/PKHĐ.2009/CN-CL/SB ngày 18/02/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số vàng cho vay: 5.833 lượng vàng SJC, tương ứng với số tiền 103.010.780.000 VND (theo tỷ giá 17.660.000 VND/lượng SJC của ngày 08/01/2009);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu (theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh);
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 0,9%/tháng (tương ứng 10,8%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, cụ thể là 1,35%/tháng;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 891.282.400.000 VND.

Liên quan đến các khoản vay này, Công ty đã có công văn số 94/CV-THS ngày 20/06/2022 công bố thông tin theo quy định về việc là bị đơn trong vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35).

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



19 VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO):

Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Ngân hàng TMCP	994.282.400.000	1.754.725.296.785	594.138.600.000	988.922.576.635
Sài Gòn Thương				
Tín (trước đây là				
Ngân hàng TMCP				
Phương Nam)				
	<u>994.282.400.000</u>	<u>1.754.725.296.785</u>	<u>594.138.600.000</u>	<u>988.922.576.635</u>

Lý do chưa thanh toán: Công ty không có khả năng thanh toán.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.354.547.439.223)	(1.264.715.616.922)
Lỗ trong năm trước	-	-	(201.409.502.625)	(201.409.502.625)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.555.956.941.848)	(1.466.125.119.547)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.555.956.941.848)	(1.466.125.119.547)
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.152.794.123.823)	(1.152.794.123.823)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(2.708.751.065.671)	(2.618.919.243.370)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	36.161.020.000	41,09	36.161.020.000	41,09
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000	30,00
- Ông Tạ Bá Thuyết	2.000.000.000	2,27	2.000.000.000	2,27
- Các cổ đông khác	23.437.000.000	26,64	23.437.000.000	26,64
	88.000.000.000	100,00	88.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	90.148.900	90.148.900
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	90.148.900	90.148.900

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	1.831.822.301	1.831.822.301

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất hoặc được giao đất trả tiền sử dụng hàng năm theo quyết định số 5196/QĐ-UBND ngày 09/10/2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng. Theo các hợp đồng và các quyết định giao đất này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết như sau:

Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nội dung
Trại cá tại Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh	25.211,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 157 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	7.800,80	Đất thuê hiện đang trong quy hoạch dự án công viên cây xanh.
Số 49 Ông Ích Khiêm, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	1.492,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 153 Lương Thế Vinh, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	671,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 117 Nghĩa Thục, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	401,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 469 Bạch Đằng, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	322,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.

Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nội dung
Số 321 - 323 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	299,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 107/14 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	293,20	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 109 Nguyễn Thái Sơn, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	196,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 1103 - 1105 Trần Hưng Đạo, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	193,50	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 48 - 50 Lê Văn Linh, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	159,70	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 202 - 204 Hàn Hải Nguyên, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	147,00	Đất thuê đến năm 2058 và trả tiền thuê đất hàng năm.
Số 78 - 80 Nghĩa Thục, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	134,50	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 42 Trưng Nữ Vương, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	89,30	Đất thuê đến năm 2058 và trả tiền thuê đất hàng năm.
Số 100 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	75,20	Đất thuê đến năm 2058 và trả tiền thuê đất hàng năm.
b) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	350.997,59	779.949,06
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Ông Trần Văn Tạo	383.646.000	383.646.000
- Công ty Thái Sơn - Chi nhánh Nga	653.763.334	653.763.334
- Bà Lê Thị Minh Hiếu	208.756.990	208.756.990
	1.246.166.324	1.246.166.324
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.936.007.759	12.330.630.443
Doanh thu bán thành phẩm	189.606.383.062	182.581.204.731
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.372.837.809	56.313.582.672
	267.915.228.630	251.225.417.846
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)	3.712.575.516	4.701.889.124
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.684.159.718	754.262.866
	2.684.159.718	754.262.866

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.523.494.533	7.455.186.860
Giá vốn của thành phẩm đã bán	164.520.053.769	160.576.950.690
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.721.983.398	39.856.255.429
Chi phí/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(521.824.027)	406.161.476
	214.243.707.673	208.294.554.455

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)

	121.351.634	821.039.580
--	--------------------	--------------------

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.206.845.883	1.686.449.980
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	1.230.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.436.810.973	1.694.715.457
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	61.502.044	66.937.757
	4.935.558.900	3.448.103.194

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	110.127.089.470	66.493.018.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	327.898.076	314.665.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.055.819.430.680	141.604.707.840
+ Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư gốc và lãi vay vàng cuối năm	1.055.819.430.680	141.604.707.840
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.223.891.035	-
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	45.690.963	-
	1.167.544.000.224	208.412.391.549

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	680.922.388	1.113.235.165
Chi phí nhân công	5.560.847.831	5.407.821.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	479.400.277	425.362.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.440.729.791	13.975.726.586
Chi phí khác bằng tiền	3.313.984.778	2.650.425.023
	24.475.885.065	23.572.570.636

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)

	974.513.281	251.725.278
--	--------------------	--------------------

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.936.034	4.308.074
Chi phí nhân công	9.915.050.484	8.394.233.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.125.175	941.186.206
Chi phí/hoàn nhập dự phòng	(4.000.000)	635.896.928
Thuế, phí, và lệ phí	9.000.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.417.216	407.115.738
Chi phí khác bằng tiền	5.365.994.326	4.615.549.845
	16.467.523.235	15.007.290.776
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)	174.538.889	29.405.007

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	7.228.281	-
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	664.449	400.759
Thu nhập khác	10.134	7.080
	7.902.864	407.839

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	107.494	30.751.351
Chi phí xử lý nợ	9.669	11.609.871
Chi phí khác	479.332	-
	596.495	42.361.222

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.153.741.891.053)	(201.409.502.625)
Các khoản điều chỉnh tăng	107.945.716.566	64.862.691.407
- Chi phí không hợp lệ	25.472.979	56.123.107
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ⁽¹⁾	107.920.243.587	64.806.568.300
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(1.045.796.174.487)	(136.546.811.218)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN (phải thu)/phải nộp đầu năm	(37.835.674)	(37.835.674)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN (phải thu)/phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	(37.835.674)	(37.835.674)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng vốn	1.184.709.037	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.184.709.037	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	236.941.807	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của hoạt động chuyển nhượng vốn	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng vốn	(236.941.807)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động chuyển nhượng vốn	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	236.941.807	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(37.835.674)	(37.835.674)

(1) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo quy định hiện hành ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2023	Chưa thanh tra	57.633.252.634	-	57.633.252.634
2024	Chưa thanh tra	64.806.568.300	-	64.806.568.300
2025	Chưa thanh tra	107.920.243.587	-	107.920.243.587

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 05 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của Cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Lỗ tính thuế	Lỗ tính thuế đã sử dụng	Lỗ tính thuế còn được chuyển sang các năm sau
		VND	VND	VND
2021	Chưa thanh tra	(138.711.298.066)	-	(138.711.298.066)
2022	Chưa thanh tra	(140.994.923.540)	-	(140.994.923.540)
2023	Chưa thanh tra	(78.321.614.990)	-	(78.321.614.990)
2024	Chưa thanh tra	(136.546.811.218)	-	(136.546.811.218)
2025	Chưa thanh tra	(1.045.796.174.487)	-	(1.045.796.174.487)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(130.999)	(22.887)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.415.377.761	138.291.196.038
Chi phí nhân công	45.506.300.569	41.491.265.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.262.109.803	4.988.415.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.772.896.277	40.056.938.729
Chi phí khác bằng tiền	10.184.278.494	10.476.538.402
	264.140.962.904	235.304.354.590

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, tỷ giá vàng và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư ngắn hạn	32.070.805.400	-	-	32.070.805.400
	<u>32.070.805.400</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.070.805.400</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về tỷ giá vàng:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá vàng khi có các giao dịch được thực hiện bằng vàng là vay.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.403.344.447	-	-	12.403.344.447
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.113.633.833	324.471.893	-	10.438.105.726
Các khoản cho vay	39.050.000.000	-	-	39.050.000.000
	61.566.978.280	324.471.893	-	61.891.450.173
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.652.219.027	-	-	32.652.219.027
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.063.633.813	324.471.893	-	19.388.105.706
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	69.715.852.840	324.471.893	-	70.040.324.733

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	994.282.400.000	-	-	994.282.400.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.800.232.405.826	3.749.726.726	-	1.803.982.132.552
Chi phí phải trả	7.199.213.805	-	-	7.199.213.805
	2.801.714.019.631	3.749.726.726	-	2.805.463.746.357
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	594.138.600.000	-	-	594.138.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.033.982.838.437	2.578.248.996	-	1.036.561.087.433
Chi phí phải trả	3.836.450.704	-	-	3.836.450.704
	1.631.957.889.141	2.578.248.996	-	1.634.536.138.137

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN KHÁC

Thông tin chi tiết liên quan đến việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) kiện Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

Ngày 28/04/2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn gửi Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 19/05/2022, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 37/2022/TB-TLVA, thông báo đã thụ lý vụ án dân sự số 37/2022/TLST-KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 1.426.084.451.921 VND và lãi tiếp tục được tính trên mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, thỏa thuận sửa đổi bổ sung đã ký kết cho đến khi Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn trả dứt nợ. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn không thanh toán nợ đúng hạn theo phán quyết của Tòa án, đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo để thi hành án thu hồi nợ cho Sacombank, trường hợp sau khi phát mãi các tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu.

Ngày 14/06/2022, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh đã có Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn để giải quyết vụ án. Đến thời điểm hiện tại, các bên liên quan vẫn đang tiến hành thương thảo hòa giải để xử lý vụ kiện này, đồng thời Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) vẫn đang tiếp tục thực hiện bán đấu giá khoản nợ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Thông tin chi tiết liên quan đến việc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên kiện Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn về việc tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh:

Ngày 26/05/2025, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh với Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn gửi Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 20/06/2025, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 72/TB-TLVA, thông báo đã thụ lý vụ án dân sự số 72/2025/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh”.

Theo đơn khởi kiện của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên yêu cầu Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hoàn trả toàn bộ số tiền 24.799.354.131 VND, đây là số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ năm 2008 đến năm 2012 liên quan đến 05 Hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh bao gồm các Hợp đồng số 02/TCT-TCKT ngày 13/01/2005, Hợp đồng số 99/TCT-TCKT ngày 20/6/2005, Hợp đồng số 96/TCT-TCKT ngày 22/6/2005, Hợp đồng số 156/TCT-TCKT ngày 20/10/2005 và Hợp đồng số 143/TCT-TCKT ngày 15/10/2007.

Ngày 07/07/2025, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 137.1/TB-TA để Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại, các bên liên quan vẫn đang tiến hành thương thảo hòa giải để xử lý vụ kiện này.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến việc Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng:

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07/NQ-HDQT/2026 ngày 15/01/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết nghị chấp thuận thông qua Tờ trình số 190/TTr-THS về việc đề xuất liên quan đến hủy tư cách đại chúng.

Ngày 15/01/2026, Công ty đã có Công văn số 15/CV-THS gửi Ban Giám sát công ty đại chúng - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề thông báo về việc không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng từ ngày 01/01/2026. Nội dung Công văn có trình bày:

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 32, Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 có quy định về công ty đại chúng là công ty cổ phần: "*a) Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên, có vốn chủ sở hữu từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ.*"

Đối chiếu với các điều kiện nêu trên, hiện tại Công ty chỉ có: Vốn điều lệ là: 88.000.000.000 VND, Vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2024 là: -1.466.125.119.547 VND (theo Báo cáo tài chính năm 2024 phát hành ngày 28/03/2025).

Như vậy, Công ty không còn đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng theo quy định hiện hành. Do đó, để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tạo thuận lợi trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, Công ty xin thông báo về việc không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để tái cấu trúc Công ty trong thời gian tới. Nếu trong thời gian tới Công ty vẫn không đáp ứng các điều kiện công ty đại chúng, Công ty sẽ gửi hồ sơ hủy tư cách đại chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước 01/01/2027 theo quy định.

Ngày 13/02/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") đã có Thông báo số 1372/UBCK-GSĐC gửi Công ty về việc hủy tư cách công ty đại chúng (APT). Theo đó, UBCKNN có ý kiến: vốn chủ sở hữu của Công ty đang được xác định tại thời điểm 31/12/2024 (theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024). Công ty cần rà soát việc đáp ứng điều kiện công ty đại chúng từ thời điểm 01/01/2026. Trường hợp vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng tại Điểm a, Khoản 1, Điều 32 Luật Chứng khoán năm 2019 được sửa đổi bởi Điểm a, Khoản 11, Điều 1, Luật số 56/2024/QH15 thì Công ty thuộc diện xem xét hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 13, Thông tư số 19/2025/TT-BTC. Theo đó, Công ty có trách nhiệm gửi UBCKNN văn bản thông báo kèm báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 19/2025/TT-BTC và tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8, Thông tư số 19/2025/TT-BTC.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thủy sản. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu nội địa	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	169.320.944.812	95.910.124.100	265.231.068.912
Tài sản bộ phận	124.573.446.725	70.563.359.709	195.136.806.434
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	504.000.000

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Chi nhánh của Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

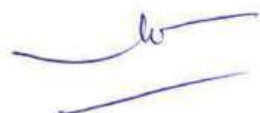
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.712.575.516	4.701.889.124
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	-	42.019.378
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	62.027.230	10.576.977
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.650.548.286	4.649.292.769
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	121.351.634	821.039.580
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	115.519.634	79.545.500
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	5.832.000	741.494.080
Chi phí bán hàng	974.513.281	251.725.278
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	227.702.700	251.725.278
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	746.810.581	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	174.538.889	29.405.007
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	174.538.889	29.405.007

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.391.244.000	1.934.316.000
- Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	116.160.000	639.290.000
- Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	744.649.000	724.508.000
- Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	530.435.000	570.518.000
- Các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không phát sinh thu nhập và thù lao tại Công ty.			

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đoàn Thị Thu Hà
Người lập



Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

